

Số: /2019/NQ-HĐND Tuyên Quang, ngày tháng 08 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ
doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn Sơn**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày tháng 8 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục hỗ trợ, nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 39/2018/NĐ-CP).

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

2. Những nội dung không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

Chương II

NỘI DUNG HỖ TRỢ

Mục 1.

HỖ TRỢ CHUNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 3. Miễn phí trả kết quả thủ tục hành chính

Miễn phí trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với tất cả các thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan nhà nước mà doanh nghiệp yêu cầu giải quyết (*trừ những thủ tục hành chính theo quy định phải nhận kết quả trực tiếp*).

Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh chi phí lập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lần đầu, chi phí khắc dấu pháp nhân lần đầu và chi phí mua chữ ký số trong 01 năm đầu tiên sau khi thành lập, mức hỗ trợ 4 triệu đồng trên một doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp gửi bằng phương thức điện tử Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này đã được ký số đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề nghị hỗ trợ.

3. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị hỗ trợ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp theo kinh phí đã được cấp thông qua tài khoản doanh nghiệp đã kê khai.

Mục 2.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 5. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn để hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại Điều 20 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tự tổ chức đo lường cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP nhưng không quá 10 triệu đồng trên một sản phẩm.

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số

39/2018/NĐ-CP, nhưng không quá 3 triệu đồng trên một tiêu chuẩn cơ sở, tối đa không quá 10 tiêu chuẩn cơ sở trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng không quá 8 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi thực hiện xong nội dung được hỗ trợ.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

c) Hợp đồng tư vấn giữa tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn và doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu rõ nội dung tư vấn, giá trị hợp đồng tư vấn.

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

e) Bản sao chụp biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn và hóa đơn, chứng từ thanh toán.

4. Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp theo kinh phí đã được cấp thông qua tài khoản doanh nghiệp đã kê khai.

Mục 3.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 7. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ khi đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn về liên kết sản xuất, kinh doanh, sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 24 Nghị định

số 39/2018/NĐ-CP nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng cho mỗi doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP nhưng không quá 20 triệu đồng trên một sản phẩm.

2. Doanh nghiệp chủ trì cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho sở quản lý chuyên ngành (nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp; nộp hồ sơ tại Sở Công thương đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm khác) sau khi thực hiện xong nội dung hỗ trợ.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm các giấy tờ theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

4. Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, sở quản lý chuyên ngành xem xét và thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp theo kinh phí đã được cấp thông qua tài khoản doanh nghiệp đã kê khai.

Điều 9. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tự tổ chức đo lường

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng không quá 3 triệu đồng trên một tiêu chuẩn cơ sở, tối đa không quá 10 tiêu chuẩn cơ sở trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng không quá 8 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên một năm cho mỗi doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 6 của Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn vốn hỗ trợ

Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Hàng năm, các cơ quan chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong dự toán ngân sách để chi trả nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp.

2. Các cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân nhà nước.

3. Giám đốc các cơ quan chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ ra quyết định hỗ trợ cho từng hồ sơ, từng trường hợp được hỗ trợ và tự chịu trách nhiệm về quyết định phê duyệt trước Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

4. Trường hợp kinh phí đã giao trong dự toán không đủ để thực hiện hỗ trợ, cơ quan chủ trì hỗ trợ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp bổ sung kinh phí; trường hợp kinh phí đã được cấp không hỗ trợ hết, cơ quan chủ trì có trách nhiệm hoàn trả lại ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện, hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo Quy định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày tháng năm 20...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Kèm theo Nghị quyết số /2019/ND-HĐND ngày /8/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)

Kính gửi: Sở.....tỉnh Tuyên Quang

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax (nếu có).....Email (nếu có).....

Số tài khoản của doanh nghiệp:.....tại.....

Căn cứ Nghị quyết số...../2019/NQ-HĐND ngày .../.../2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đề nghị Sở.....tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

chọn nội dung (Đánh dấu X)	Nội dung đề nghị hỗ trợ
	I. NHÓM HỖ TRỢ CHUNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
<input type="checkbox"/>	1.Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh chi phí lập hồ sơ đăng ký doanh khởi nghiệp lần đầu, chi phí khắc dấu pháp nhân lần đầu và chi phí mua chữ ký số sử dụng trong 01 năm đầu tiên sau khi thành lập.
	II. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO
<input type="checkbox"/>	1. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	2. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

chọn nội dung (Đánh dấu X)	Nội dung đề nghị hỗ trợ
<input type="checkbox"/>	3. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	4. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	5. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
III. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ	
<input type="checkbox"/>	1. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	2. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	3. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	4. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.
<input type="checkbox"/>	5. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường theo quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

2. Thuyết minh nội dung đề nghị hỗ trợ (Đối với các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, gồm nội dung chính như: Mục đích ký kết hợp đồng, kinh phí đề nghị hỗ trợ, nội dung khác):

.....

3. Tài liệu kèm theo gồm:

-.....
 -.....
 -.....

Doanh nghiệp cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Đề nghị hỗ trợ);
- Lưu DN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP